

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2017/DS-PT

Ngày: 24/8/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thuê đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thuê đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Lê Tâm G, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Phường 7, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Lê Văn S, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Lê Tâm G, sinh năm 1964; địa chỉ: phường 7, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Phan Hồng T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: phường H, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Hồng A, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Nguyễn T4, sinh năm 1968;

3.2 Phan F, sinh năm 1992;

3.3 Phan K, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: phường H, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4, anh F, K: Ông Phan Hồng A, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, chị T4, anh F, anh K là: Luật sư X - Luật sư của Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: phường 3, thành phố L, Đồng Tháp.

3.4 Lê M, sinh năm 1977;

3.5 Nguyễn T3, sinh năm 1981;

3.6 Lê Nguyễn M1, sinh năm 2004;

3.7 Lê Nguyễn M2, sinh năm 2009;

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh M, chị T3, M1, M2: Ông Phan Hồng A, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8 Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, phường 1, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9 Lê Thị B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Lê Tâm G, sinh năm 1964;

Địa chỉ: phường 7, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

3.10 Đặng Văn Z, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp H1, xã R, thành phố L - Đồng Tháp.

3.11 Huỳnh Thị K1, sinh năm 1966.

3.12 Huỳnh Thị K2, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

3.13 Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1951.

3.14 Bà Trương Thị L1, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Phan Hồng A là người ủy quyền của bị đơn là ông Phan Hồng T.

(Ông G, ông A có mặt; anh Z, bà K1, bà K2, ông X1, bà L1 vắng mặt; UBND thành phố L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/7/2015, phiên hòa giải ngày 23/3/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/10/2016, phiên hòa giải ngày 10/11/2016 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Tâm G trình bày:

Ngày 01/10/1982, ông Lê Văn T1, ông Lê Tâm G, ông Lê Văn S có ký tờ giao kèo cho bà Lê Thị L2, Huỳnh Văn B1 mượn đất, diện tích 05 công tầm 03m đất lâu năm, tứ cận Đông giáp đất chủ S1 (ông S1 chết con ông S1 tên S2 tiếp tục sử dụng), Tây giáp đất bà C1 (bà C1 chết con Trần Ngọc N1 tiếp tục sử dụng), Nam giáp rạch Bún, Bắc giáp đường đi, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp. Thời gian cho mượn đất kể từ năm 1983 – 2013, với giá mượn là 240 gia lúa, gia đình ông G đã nhận đủ lúa và giao đất cho vợ chồng ông B1, bà Lê Thị L2 theo tờ giao kèo (có tờ thuê đất kèm theo).

Trong thời gian thực hiện tờ giao kèo mượn đất đến năm 1987, ông B1 chết, năm 2002, bà Lê Thị L2 đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 05 công tầm 03m, đất lâu năm mượn của gia đình ông G, đăng ký gồm: Diện tích 300m² đất thổ, 5.151,5m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất do bà L2 gian dối trong kê khai nguồn gốc đất, đã che giấu hợp đồng giao kèo mượn đất ngày 01/10/1982 và trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2. Từ cán bộ địa chính xã R đến UBND thành phố L không thẩm tra xác minh nguồn gốc đất của bà L2 đăng ký ở đâu, chỉ căn cứ vào đơn kê khai nguồn gốc đất của bà L2 là chưa phù hợp với pháp luật.

Ngày 25/11/2012, bà L2 chết, ngày 13/6/2013, ông Phan Hồng T có đơn xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất của bà L2 để lại diện tích 300m² đất thổ, 5.151,5m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp, được UBND xã R xác nhận ngày 14/6/2013 có nội dung: “ Ông Phan Hồng T là người nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L2 theo tờ di chúc được UBND xã R chứng thực số 10/2000/PC ngày 16/5/2000” là không đúng theo nội dung tờ di chúc của bà Lê Thị L2 lập ngày 01/5/2000, bởi, nội dung di chúc của bà Lê Thị L2 không có nội dung nào ghi : “ Ông Phan Hồng T được hưởng thừa kế của bà L2 để lại diện tích 300m² đất thổ, 5.151,5m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp” . Như vậy, UBND xã R xác nhận ông T là người thừa kế theo di chúc là sai với ý chí của bà Lê Thị L2. Nên trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố L cho ông T ngày 22/8/2013 là sai.

Ngoài ra căn nhà của ông B1, bà L2 cất trên đất mượn. Sau khi bà L2 chết ông T thừa kế diện tích 300m², đất thổ, 5.151.5m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T ngày 22/8/2013, ông Phan Hồng T cho hộ ông Lê M mượn sử dụng (Hợp đồng cho mượn chỉ thỏa thuận bằng lời nói).

Ông G thông nhất sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2015 và biên bản định giá ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố giải quyết:

+ Hủy thủ tục xin đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất của ông Phan Hồng T với bà Lê Thị L2 lập ngày 13/6/2013 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Hồng T do UBND thành phố L cấp ngày 22/8/2013.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L2 cấp ngày 24/10/2002.

+ Buộc hộ ông Lê M, hộ ông Phan Hồng T di dời nhà và hộ ông Phan Hồng T phải trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 300m² đất thổ, 4.668,9 m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp cho ông Lê Tâm G theo tờ giao kèo đã ký ngày 01/10/1982.

+ Buộc người thừa kế của bà L2 là ông Phan Hồng T và các thành viên hộ ông T gồm: T4, F, K phải trả lại diện tích theo đo đạc thực tế 300m² đất thổ, diện tích 4.668,9 m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp cho ông Lê Tâm G theo tờ giao kèo đã ký ngày 01/10/1982.

+ Cây ăn trái, cây lâu năm trên đất ông B1, Bà L2 trông yêu cầu hộ ông T, P, F, K phải di dời toàn cây ăn trái, lâu năm để trả lại đất. Nay nguyên đơn rút yêu cầu.

Ông Lê Tâm G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị K1, bà Huỳnh Thị K2 là con của ông B1 có 02 ngôi mộ trên phần đất tranh chấp di dời 02 ngôi mộ để trả lại phần đất tranh chấp cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn rút yêu cầu.

Bị đơn, ông Phan Hồng T (có ông Phan Hồng A đại diện ủy quyền) trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Lê Văn T1 là cha ruột của ông Lê Tâm G và ông Lê Văn S. Năm 1982 ông T1 không trực tiếp lao động sản xuất nông nghiệp nên đã cố đất cho bà Lê Thị L2 và ông Huỳnh Văn B1. Thời điểm năm 1982, Nhà nước không cho mua bán đất nên ông T1 và bà L2, ông B1 đã làm giấy cho mượn đất để hợp thức hóa việc cố đất. Qua quá trình sử dụng đất bà L2 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp.

Vào năm 2010 ông G và ông S đến nhà ông T tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, gặp bà L2 nói chuộc lại đất nhưng bà L2 cho rằng trước đây đã đưa cho ông T1 trị giá 50 lượng vàng để được quyền sử dụng đất, bây giờ ông G và ông S đưa đúng số vàng thì bà L2 giao lại quyền sử dụng đất.

Tháng 3 năm 2014, ông G và ông S đến nhà ông T ở quận 1, thành phố Hồ Chí Minh thương lượng đưa cho vợ chồng ông T số tiền 400.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông T không đồng ý. Đến tháng 7 năm 2014, ông G thưa kiện tại Ủy ban nhân dân xã R.

Nay, ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông G và ông S.

Ông A thống nhất sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2015 và biên bản định giá ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn T4, Phan F, Phan K (cùng ủy quyền cho ông Phan Hồng A) trình bày:

Nguyễn T4, Phan F, Phan K thống nhất theo lời trình bày của ông Phan Hồng A

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê M, Nguyễn T3, Lê Nguyễn M1, Lê Nguyễn M2 (cùng ủy quyền cho ông Phan Hồng A) trình bày:

Lê M, Nguyễn T3, Lê Nguyễn M1, Lê Nguyễn M2 thống nhất theo lời trình bày của ông Phan Hồng A.

Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 3 năm 2016, người làm chứng ông Trần Thanh Long trình bày:

Giữa ông nội ông Trần Thanh L3 (ông Lê Văn Đ) và ông nội ông Lê Tâm G (ông Lê Văn B2 đứng chung 01 bộ đất vẫn còn giấy tờ đầy đủ thời trào Pháp thuộc.

Ngày 01/10/1982, ông Lê Văn T1, ông Lê Tâm G, ông Lê Văn S có ký tờ giao kèo cho bà Lê Thị L2, Huỳnh Văn B1 mượn đất, diện tích 05 công tầm 03m đất lâu năm, tứ cận Đông giáp đất chú S1 (ông S1 chết con ông S1 tên S2 tiếp tục sử dụng), Tây giáp đất bà C1 (bà C1 chết con Trần Ngọc N1 tiếp tục sử dụng), Nam giáp rạch Bún, Bắc giáp đường đi, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp. Thời gian cho mượn đất kể từ năm 1983 – 2013, với giá mượn là 240 gia lúa, gia đình ông G đã nhận đủ lúa và giao đất cho vợ chồng ông B1, bà Lê Thị L2 theo tờ giao kèo (có tờ thuê đất kèm theo).

Về tờ giao kèo cho mượn đất ông Lê Văn T1 là cha của ông G có ký vào tờ giao kèo cùng với ông S, chồng bà L2 là ông Huỳnh Văn B1 cùng hai người làm chứng là ông Trần Văn B3 và ông Nguyễn Văn T2 đều có ký vào tờ giao kèo cùng với bà Lê Thị L2 thời gian cho mượn đất 30 năm là hoàn toàn có sự thật. Nhưng hiện nay đối với hai người làm chứng đã chết. Việc mượn đất chưa đủ 30 năm thì bà L2 làm cách nào mà làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau đó cho lại cháu là ông Phan Hồng T đứng tên và sử dụng thì ông L3 không biết.

Tại biên bản làm việc ngày 25 tháng 3 năm 2016, người làm chứng ông Trần Văn Đ1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Văn T1 là cha ruột của ông Lê Tâm G và ông Lê Văn S. Năm 1982 ông T1 có làm tờ giao kèo cho mướn đất với bà Lê Thị L2 thời gian là 30 năm. Trong tờ giao kèo có cha ông Trần Văn Đ1 là ông Trần Văn Tr đã ký vào tờ giao kèo làm chứng với nội dung ông T1 do già yếu thường bị bệnh, không tăng gia sản xuất được, có thiếu thuế Nhà nước từ 06 năm nay là sự thật. Nhưng hiện nay cha ông Trần Văn Đ1 đã chết năm 1990. Việc ông T1, ông G, ông S cho bà Lê Thị L2 mướn đất thời hạn 30 năm là hoàn toàn có sự thật, chưa hết thời gian thì bà L2 đã đi kê khai và đăng ký được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà L2 chết để lại cho cháu là Phan Hồng T đứng tên và sử dụng cho đến nay.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tâm G yêu cầu:

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L2 cấp ngày 24/10/2002.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Hồng T do UBND thành phố L cấp ngày 22/8/2013.

+ Buộc hộ ông Phan Hồng T và các thành viên trong hộ ông T gồm: Nguyễn T4, Phan F, Phan K trả lại diện tích 300 m² đất thổ, 4.668,9 m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, Đồng Tháp cho ông Lê Tâm G, Lê Văn S, Lê Thị B.

Ông Lê Tâm G, ông Lê Văn S, bà Lê Thị B được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với diện tích đất thực tế (theo sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2015 của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất).

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu Huỳnh Thị K1, Huỳnh Thị K2 di dời hai ngôi mộ.

+ Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc hộ ông Lê M di dời nhà.

+ Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu di dời cây ăn trái, cây lâu năm trên đất tranh chấp.

- Tài sản gắn liền với đất là nhà, mộ, cây cối trên đất các bên thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hồng T, Nguyễn T4, Phan F, Phan K liên đới phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Tâm G số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07956 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án thành phố L.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá 800.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 9.977.000 đồng theo biên lai thu số 035227 ngày 19/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L; tổng cộng 10.777.000 đồng do phía nguyên đơn đã tạm ứng và đã chi xong, nên buộc hộ ông Phan Hồng T, bà Nguyễn T4, Phan F và Phan K có trách nhiệm liên đới trả lại 800.000 đồng cho ông Lê Tâm G, ông G được nhận lại số tiền 9.977.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo; quyền và thời hiệu yêu cầu thi hành án; nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 13/3/2017, ông Phan Hồng A là người được ông Phan Hồng T là bị đơn ủy quyền kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý buộc hộ ông T trả lại diện tích 300m² đất thổ, 4.668,9m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa đất 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L cho ông Lê Tâm G, ông Lê Văn S, Lê Thị B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lê Tâm G, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L2 cấp ngày 24/10/2002 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phan Hồng T do UBND thành phố L cấp ngày 22/8/2013; tuyên buộc hộ ông Phan Hồng T và các thành viên trong hộ ông T gồm Nguyễn T4, Phan F, Phan K trả lại cho nguyên đơn diện tích 300m² đất thổ, 4.668,9m² đất lâu năm, tờ bản đồ số 12, thửa số 09, tọa lạc tại Ấp N, xã R, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp cho ông Lê Tâm G, ông Lê Văn S và bà Lê Thị B sử dụng nhưng lại không

giải quyết vấn đề tài sản (nhà và cây trồng) của phía bị đơn trên đất; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết việc tranh chấp đất mà chưa làm rõ và xem xét yêu cầu của người có tài sản gắn liền trên đất cũng như nhu cầu sử dụng đất ở của hộ ông A nhằm xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự đối với đất và tài sản trên đất trong cùng một vụ án, để đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không có giải thích để phía nguyên đơn có yêu cầu vấn đề nói trên; tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng xác định điều đó đồng thời có yêu cầu phía bị đơn phải di dời tài sản trên đất để giao đất cho nguyên đơn sử dụng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[2] Vì vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo hướng triệt để và toàn diện vụ án; đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Tại phiên tòa luật sư X là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc giao dịch thuê đất giữa nguyên đơn và bị đơn là không có giá trị pháp lý, đồng thời trong suốt quá trình sử dụng đất một thời gian dài của phía bị đơn nhưng nguyên đơn không đi kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không triệt để vụ án như chưa xem xét giải quyết tài sản có trên đất dẫn đến bản án không thi hành được nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng. Xét đề nghị của luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn, bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 3, Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí:

+ Ông Phan Hồng T không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 08590 ngày 14/3/2017 (do ông Phan Hồng A nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

+ Án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy